TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Quốc Việt;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Trần Huỳnh N, sinh năm 1994;

Căn cước công dân số: 082194001620.

Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã N, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số: 083088018289.

Nơi cư trú: Số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long).

(Bà N có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Trần Huỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tuấn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 21/8/2012. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng. Hiện bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông C không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 07/01/2013 và Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 17/10/2017, hiện hai con chung đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tuấn C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn C. Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Trần Huỳnh N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 07/01/2013 và Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 17/10/2017, hiện hai con chung đang sống cùng bà N. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về nợ chung, tài sản chung: Bà N khai không có nên không xét đến.

+ Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Tuấn C là bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Trần Huỳnh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N là phù hợp.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông C không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông C vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh

Long) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N thì sau khi kết hôn, bà và ông C chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông C thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng, thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông C để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không đến. Tại phiên tòa, ông C vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 07/01/2013 và Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 17/10/2017, hiện hai con chung đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T và cháu L từ trước đến nay sống cùng bà N và nguyện vọng của cháu T và cháu L cũng muốn tiếp tục sống cùng với bà N; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, ông C cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về việc nuôi con chung với bà N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, lẫn tinh thần của cháu T và cháu L, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên không xét đến.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 01/2024 NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Huỳnh N đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn C về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn C. Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Trần Huỳnh N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 07/01/2013 và Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 17/10/2017, hiện hai con chung đang sống cùng bà N. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về nợ chung, tài sản chung: Bà N khai không có nên không xét đến.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Trần Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003295 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà N đã nộp đủ án phí phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Giao Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My